

Đồng Nai, ngày 15 tháng 10 năm 2026

Số: 1021 /QĐ-SYT

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật đối với Phòng khám Răng hàm mặt thuộc Công Ty TNHH Răng hàm mặt Sài Gòn Biên Hòa

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ Y tế về việc ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 524/QĐ-SYT ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Sở Y tế về việc thành lập Đoàn thẩm định cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với phòng khám đa khoa; cấp mới, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với phòng khám chuyên khoa;

Căn cứ Biên bản thẩm định cấp Giấy phép hoạt động đối với Phòng khám Răng hàm mặt thuộc Công Ty TNHH Răng hàm mặt Sài Gòn Biên Hòa ngày 06 tháng 10 năm 2026 của Đoàn thẩm định Sở Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 2768/ĐNAI-GPHĐ đối với:

Tên cơ sở: Phòng khám Răng hàm mặt thuộc Công Ty TNHH Răng hàm mặt Sài Gòn Biên Hòa

Hình thức tổ chức là: Phòng khám Răng Hàm Mặt

Địa chỉ: Số 06, đường Phan Trung, khu phố 28, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai

Thời gian làm việc hằng ngày: 08 giờ 00 - 20 giờ 00 từ Thứ Hai đến Chủ Nhật.

Điều 2. Phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn và danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh:

Sơ cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh Răng hàm mắt thông thường và 166 kỹ thuật chuyên môn theo quy định tại Thông tư 23/2024/TT-BYT (*Danh mục kỹ thuật chuyên môn kèm theo*).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp để triển khai thực hiện đúng các quy định chuyên môn, quy trình kỹ thuật của Bộ Y tế và trong phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt. Trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn, không đủ điều kiện thực hiện kỹ thuật thì phải chuyển người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác phù hợp để điều trị.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có tên tại Điều 1 và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục QLKCB - BHYT (để báo cáo);
- BGĐ Sở Y tế (để báo cáo);
- UBND phường Tam Hiệp;
- Website Sở Y tế;
- Lưu VT, NV.

(BS. Lâm/10.2026)

GIÁM ĐỐC




Đỗ Thị Nguyên

**DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN THỰC HIỆN TẠI
PHÒNG KHÁM RĂNG HÀM MẶT THUỘC CÔNG TY TNHH RĂNG HÀM
MẶT SÀI GÒN BIÊN HÒA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày / /2026 của
Giám đốc Sở Y tế thành phố Đồng Nai).*

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
1	1.53	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Đặt Canuyn mũi hầu, miệng hầu
2	1.65	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
3	16.3	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật ghép xương nhân tạo để cấy ghép implant
4	16.5	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật đặt xương nhân tạo và màng sinh học quanh Implant
5	16.6	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cấy ghép Implant
6	16.7	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nâng sàn xoang hàm sử dụng vật liệu tự thân để cấy ghép Implant
7	16.8	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nâng sàn xoang hàm sử dụng vật liệu nhân tạo để cấy ghép Implant
8	16.9	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nâng sàn xoang hàm sử dụng vật liệu hỗn hợp để cấy ghép Implant
9	16.10	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật tách xương để cấy ghép Implant
10	16.11	16. RĂNG HÀM MẶT	Cấy ghép Implant tức thì sau nhổ răng
11	16.14	16. RĂNG HÀM MẶT	Máng hướng dẫn phẫu thuật cấy ghép Implant
12	16.17	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng màng sinh học
13	16.19	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép vật liệu thay thế xương
14	16.32	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật ghép biểu mô và mô liên kết làm tăng chiều cao lợi dính
15	16.33	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cắt lợi điều trị túi quanh răng
16	16.34	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật vật điều trị túi quanh răng
17	16.35	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nạo túi lợi
18	16.37	16. RĂNG HÀM MẶT	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại
19	16.38	16. RĂNG HÀM MẶT	Liên kết cố định răng lung lay bằng dây

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
			cung kim loại và Composite
20	16.39	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng cấp
21	16.40	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng mạn
22	16.41	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh răng
23	16.42	16. RĂNG HÀM MẶT	Chích áp xe lợi
24	16.43	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy cao răng
25	16.50	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
26	16.52	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trầm xoay cầm tay
27	16.54	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trầm xoay máy
28	16.56	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng MTA
29	16.57	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi
30	16.59	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA
31	16.61	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy lại
32	16.62	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nội nha có cắt bỏ chân răng và một phần thân răng
33	16.63	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nội nha - hàn ngược ống tủy
34	16.67	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite
35	16.68	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite
36	16.70	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement
37	16.71	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement
38	16.72	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng Composite
39	16.76	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay
40	16.77	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng bằng các vật liệu khác nhau
41	16.78	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer Composite trực tiếp
42	16.79	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tủy sống có sử dụng đèn Plasma
43	16.81	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng nội tủy
44	16.82	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tủy sống bằng máng thuốc
45	16.83	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt
46	16.84	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)
47	16.85	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng ốc vít trên Implant

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
48	16.86	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Titanium gắn bằng ốc vít trên Implant
49	16.88	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implant
50	16.89	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng cement trên Implant
51	16.90	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant
52	16.92	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant
53	16.93	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ kim loại thường gắn bằng ốc vít trên Implant
54	16.94	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Titanium gắn bằng ốc vít trên Implant
55	16.96	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Cercon gắn bằng ốc vít trên Implant
56	16.97	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implant
57	16.98	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ kim loại thường gắn bằng cement trên Implant
58	16.99	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant
59	16.101	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant
60	16.102	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả toàn phần dạng cúc bấm tựa trên Implant
61	16.103	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả toàn phần dạng thanh ngang tựa trên Implant
62	16.104	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp nhựa
63	16.105	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại
64	16.106	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cần nhựa
65	16.107	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cần sứ
66	16.108	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim Titanium cần sứ
67	16.109	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần
68	16.111	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Cercon
69	16.112	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu nhựa
70	16.113	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim thường
71	16.114	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại cần nhựa
72	16.115	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại cần sứ
73	16.116	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim Titanium cần sứ
74	16.118	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần
75	16.119	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Cercon
76	16.127	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer Composite gián tiếp
77	16.128	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer sứ toàn phần
78	16.129	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
			thường
79	16.130	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường
80	16.131	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo
81	16.132	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo
82	16.135	16. RĂNG HÀM MẶT	Máng hở mặt nhai
83	16.136	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị thói quen nghiêng răng bằng máng
84	16.137	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo cầu răng giả
85	16.138	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo chụp răng giả
86	16.139	16. RĂNG HÀM MẶT	Sửa hàm giả gãy
87	16.140	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
88	16.141	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp
89	16.142	16. RĂNG HÀM MẶT	Đệm hàm nhựa thường
90	16.144	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi
91	16.146	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy lại khoảng bằng khí cụ cố định
92	16.147	16. RĂNG HÀM MẶT	Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định nong nhanh
93	16.148	16. RĂNG HÀM MẶT	Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định Quad-Helix
94	16.149	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ chức năng cố định
95	16.150	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ chức năng cố định
96	16.154	16. RĂNG HÀM MẶT	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ cố định
97	16.156	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng cung ngang khâu cái (TPA) làm neo chặn trong điều trị nắn chỉnh răng
98	16.157	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng có sử dụng neo chặn bằng khí cụ cố định cung lưỡi (LA)
99	16.159	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ cố định
100	16.161	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng lạc chỗ sử dụng khí cụ cố định
101	16.162	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng răng bằng khí cụ cố định cung ngang vòm khâu cái (TPA)
102	16.163	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định Nance
103	16.164	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định cung lưỡi (LA)
104	16.168	16. RĂNG HÀM MẶT	Làm dài thân răng lâm sàng sử dụng khí cụ cố định
105	16.170	16. RĂNG HÀM MẶT	Dán mắc cài trực tiếp sử dụng chất gắn quang trùng hợp
106	16.173	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng mắc cài tự buộc trong nắn chỉnh răng

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
107	16.174	16. RĂNG HÀM MẶT	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung bẻ Loop L hoặc dây cung đảo ngược
108	16.175	16. RĂNG HÀM MẶT	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung tiện ích (Utility Archwire) và cung phụ làm lún răng cửa
109	16.176	16. RĂNG HÀM MẶT	Làm trôi các răng hàm nhỏ hàm dưới sử dụng khí cụ gắn chặt
110	16.177	16. RĂNG HÀM MẶT	Đóng khoảng răng sử dụng khí cụ cố định
111	16.178	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều chỉnh độ nghiêng răng bằng khí cụ cố định
112	16.180	16. RĂNG HÀM MẶT	Đóng khoảng bằng khí cụ tháo lắp
113	16.181	16. RĂNG HÀM MẶT	Nong rộng hàm bằng khí cụ tháo lắp
114	16.183	16. RĂNG HÀM MẶT	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ tháo lắp
115	16.184	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ tháo lắp
116	16.185	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp
117	16.186	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng bằng hàm tháo lắp
118	16.187	16. RĂNG HÀM MẶT	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng khí cụ tháo lắp tấm cắn (bite plate) hoặc mặt phẳng cắn phía trước (anterior plane)
119	16.188	16. RĂNG HÀM MẶT	Đóng khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp
120	16.189	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút môi
121	16.190	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi
122	16.193	16. RĂNG HÀM MẶT	Gắn band
123	16.196	16. RĂNG HÀM MẶT	Mài chỉnh khớp cắn
124	16.203	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn
125	16.204	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay
126	16.205	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng vĩnh viễn
127	16.206	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng thừa
128	16.210	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nạo quanh cuống răng
129	16.211	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cắt cuống răng
130	16.212	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cắt, nạo xương ổ răng
131	16.213	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi xơ cho răng mọc
132	16.214	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới
133	16.215	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi di động để làm hàm giả
134	16.216	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi
135	16.217	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cắt phanh môi
136	16.221	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
137	16.222	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp
138	16.223	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
			hợp
139	16.224	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp
140	16.225	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant
141	16.226	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement
142	16.227	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàn răng không sang chấn với GlassIonomer Cement
143	16.228	16. RĂNG HÀM MẶT	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt
144	16.230	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục
145	16.231	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng sữa
146	16.232	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng sữa
147	16.233	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit
148	16.234	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA
149	16.236	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement
150	16.237	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn
151	16.238	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng sữa
152	16.239	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng sữa
153	16.240	16. RĂNG HÀM MẶT	Chích Apxe lợi trẻ em
154	16.241	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)
155	16.340	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp
156	18.67	18. ĐIỆN QUANG	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng
157	18.68	18. ĐIỆN QUANG	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng
158	18.80	18. ĐIỆN QUANG	Chụp Xquang khớp thái dương hàm
159	18.81	18. ĐIỆN QUANG	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical)
160	18.82	18. ĐIỆN QUANG	Chụp Xquang răng cánh cắn (Bite wing)
161	18.83	18. ĐIỆN QUANG	Chụp Xquang răng toàn cảnh
162	18.107	18. ĐIỆN QUANG	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch
163	18.108	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch
164	18.129	18. ĐIỆN QUANG	Xquang đo sọ thẳng nghiêng (Cephalometric)
165	18.163	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính hàm mặt chùm tia hình nón hàm dưới (Cone-Beam CT)
166	18.164	18. ĐIỆN QUANG	Chụp cắt lớp vi tính hàm mặt chùm tia hình nón hàm trên hàm dưới (Cone-Beam CT)

** Tổng số kỹ thuật chuyên môn được phê duyệt: 166 kỹ thuật.*